

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
của **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03-05
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06-07
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	08-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13-14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc	15-40

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 10 tháng 11 năm 2003 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 16 tháng 09 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 09 năm 2014 là 29.550.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng*) tương đương 2.955.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp điện.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Hữu Tuấn	Chủ tịch
- Ông Hoàng Anh Tú	Phó Chủ tịch
- Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
- Ông Vi Trung Sơn	Thành viên
- Ông Hoàng Như Đô	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng ban
- Ông Trần Văn Bảy	Thành viên
- Ông Hoàng Minh Tuấn	Thành viên

Các thành viên trong Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc
- Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Lô 55, đường N2, cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

CH
V
H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường	Số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty cũng cho rằng, không còn sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được lập theo đúng yêu cầu nêu trên.

14 / 01 / 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2016

TM. Ban Giám đốc



Hoàng Hữu Tuấn
Giám đốc

40
VG
HIỆN
K
T
AN

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2016

Số: 132/2016/BCKT/PKF-VPHN

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 08 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

24
T
H
E
V
A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.632.918.764	42.667.313.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.678.008.991	9.216.729.588
1. Tiền	111		1.678.008.991	9.216.729.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.923.899.779	16.559.406.949
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.973.610.390	16.291.366.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	927.269.509	258.712.362
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.4	23.019.880	9.328.239
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	16.837.287.008	16.809.612.546
1. Hàng tồn kho	141		16.837.287.008	16.809.612.546
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		193.722.986	81.564.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.875.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.722.986	39.689.140
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	45.000.000	40.000.000
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.607.499.627	9.909.123.867
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		9.607.499.627	9.909.123.867
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	9.542.835.018	9.840.046.030
- Nguyên giá	222		11.922.667.793	11.882.667.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.379.832.775)	(2.042.621.763)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	64.664.609	69.077.837
- Nguyên giá	228		112.752.000	112.752.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.087.391)	(43.674.163)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		44.240.418.391	52.576.437.090

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.137.578.462	22.789.118.471
I. Nợ ngắn hạn	310		14.137.578.462	22.789.118.471
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	9.039.116.315	17.439.274.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	350.000.000	270.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	48.462.147	229.844.326
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	4.700.000.000	4.850.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.102.839.929	29.787.318.619
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	30.102.839.929	29.787.318.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		552.839.929	237.318.619
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(225.173.361)	16.272.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		778.013.290	221.045.633
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		44.240.418.391	52.576.437.090

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hồng



Trần Thị Hồng Mến



Hoàng Hữu Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.783.877.224	17.120.069.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.783.877.224	17.120.069.425
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	27.629.931.512	13.800.166.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.153.945.712	3.319.902.620
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.125.251	4.762.925
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	14.908.888
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	14.908.888
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	2.752.799.556	3.081.306.117
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		414.271.407	228.450.540
12. Thu nhập khác	31	VI.6	13	31.500.000
13. Chi phí khác	32	VI.7	6.000	-
14. Lợi nhuận khác	40		(5.987)	31.500.000
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		414.265.420	259.950.540
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	98.462.146	56.323.078
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>315.803.274</u>	<u>203.627.462</u>
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	61		315.803.274	203.627.462
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		107	69
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Giám đốc

Hoàng Thị Hồng

Trần Thị Hồng Mên



Hoàng Hữu Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Theo phương pháp gián tiếp

Mẫu số B03a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		414.265.420	259.950.540
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		337.211.012	331.535.003
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	
- Chi phí lãi vay	06		-	14.908.888
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		751.476.432	606.394.431
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		619.667.770	301.882.995
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.674.462)	(2.265.296.844)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.581.540.009)	(1.056.674.903)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.875.000	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(14.908.888)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(125.650.579)	(299.749.537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.361.845.848)	(2.728.352.746)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.000.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.125.251	4.762.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.874.749)	4.762.925

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Theo phương pháp gián tiếp
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.700.000.000	9.020.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.850.000.000)	(5.770.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(150.000.000)	3.250.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.538.720.597)	526.410.179
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.216.729.588	1.512.154.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.678.008.991	2.038.564.577

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hồng



Trần Thị Hồng Mến



Hoàng Hữu Tuấn

13
C
H
N
P
I
E
/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600324084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 10/11/2003, thay đổi lần 07 ngày 16 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 09 năm 2014 là 29.550.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng*) tương đương 2.955.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây lắp điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện thế 35KV; San lấp mặt bằng; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sản xuất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán vật tư, thiết bị ngành điện; Mua bán lương thực, hàng nông lâm thủy sản, phân bón nông nghiệp;
- Sản xuất các mặt hàng nhựa, cơ khí xuất khẩu; Sản xuất, mua bán hàng may mặc công nghiệp xuất khẩu; Mua bán điện thoại các loại; Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Mua bán các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in; Vận tải hàng hóa và khách hàng theo hợp đồng;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Khai thác, mua bán khoáng sản, vật liệu xây dựng; Mua bán cho thuê máy móc, thiết bị ngành công trình.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0601044805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở tại Số 85 Lê Quý Đôn, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0601044805 cấp ngày 16/09/2014 là 25.000.000.000 đồng. (*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn./.*)

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2016:

Theo Đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường	100%	100%

Theo thực tế tại 30/06/2016 đã góp số tiền là 10.806.641.529 đồng chiếm tỷ lệ 100% vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

6. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

4. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con là Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây lắp Điện Thiên Trường (gọi chung là "Tập đoàn").

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

10 /
TY
UU
M
P

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-08 năm
- Quyền sử dụng đất	25 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu xây lắp điện được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh sản xuất và kinh doanh: xây lắp điện, bán vật tư thiết bị điện

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Thái Bình, Nam Định, Phú Thọ.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55 đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

44
ÔN
NH
ĐT
UA

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.057.036.418	158.218.354
Tiền gửi ngân hàng	620.972.573	9.058.511.234
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	1.678.008.991	9.216.729.588

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	14.973.610.390	16.291.366.348
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản)	14.121.983.925	15.442.592.746
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp 3T</i>	1.606.446.253	56.368.400
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Nam Phú</i>	-	2.027.988.409
<i>Công ty Điện lực Nam Định</i>	3.165.055.078	1.900.466.354
<i>Công ty Điện lực Thái Bình</i>	3.451.884.851	3.028.793.127
<i>Công ty Điện lực Phú Thọ</i>	3.640.563.155	8.428.976.456
<i>Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng điện Hoàng Phát</i>	2.258.034.588	-
Phải thu khách hàng khác	851.626.465	848.773.602
Cộng	14.973.610.390	16.291.366.348
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		
<i>Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng điện Hoàng Phát</i>	2.258.034.588	-
Cộng	2.258.034.588	-

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	927.269.509	258.712.362
Chi tiết các khoản trả trước người bán ngắn hạn chiếm 10% trở lên	589.133.888	147.023.362
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây lắp Nam Phú</i>	196.024.296	-
<i>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Quang Thái</i>	246.086.230	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Khánh Phong</i>	147.023.362	147.023.362
Các công ty khác	338.135.621	111.689.000
Cộng	927.269.509	258.712.362
Trả trước người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	-	-

4 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	23.019.880	-	9.328.239	-
- Phải trả, phải nộp khác (dư Nợ)	23.019.880	-	9.328.239	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	-	-
Cộng	23.019.880	-	9.328.239	-

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	15.263.219.229	-	15.116.147.894	-
Công cụ, dụng cụ	14.166.667	-	22.666.667	-
Chi phí SXKD dở dang	1.559.901.112	-	1.670.797.985	-
Cộng	16.837.287.008	-	16.809.612.546	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.592.897.482	1.874.749.995	743.086.905	129.076.264	1.542.857.147	11.882.667.793
Tăng trong kỳ	-	40.000.000	-	-	-	40.000.000
- Mua trong kỳ	-	40.000.000	-	-	-	40.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.592.897.482	1.914.749.995	743.086.905	129.076.264	1.542.857.147	11.922.667.793
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	372.416.336	1.392.277.357	203.851.806	74.076.264	-	2.042.621.763
Tăng trong kỳ	171.276.522	78.825.966	70.108.524	17.000.000	-	337.211.012
- Số khấu hao trong kỳ	171.276.522	78.825.966	70.108.524	17.000.000	-	337.211.012
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	543.692.858	1.471.103.323	273.960.330	91.076.264	-	2.379.832.775
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	7.220.481.146	482.472.638	539.235.099	55.000.000	1.542.857.147	9.840.046.030
2. Tại ngày cuối kỳ	7.049.204.624	443.646.672	469.126.575	38.000.000	1.542.857.147	9.542.835.018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bán quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	112.752.000	-	-	-	112.752.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	112.752.000	-	-	-	112.752.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	41.413.228	-	-	-	41.413.228
- Số khấu hao trong kỳ	41.413.228	-	-	-	41.413.228
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	41.413.228	-	-	-	41.413.228
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	112.752.000	-	-	-	112.752.000
2. Tại ngày cuối kỳ	71.338.772	-	-	-	71.338.772

Tài sản vô hình là đất thuê trong 50 năm, tiền thuê đất hàng năm phải trả là 32.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

8. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	4.700.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000	4.850.000.000	4.850.000.000	4.850.000.000
Vay ngân hàng VND	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân (i)	4.700.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000	4.850.000.000	4.850.000.000	4.850.000.000
Bà Phạm Thị Oanh	-	-	-	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải Hương	-	-	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuấn	-	-	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Bà Trần Thị Hiền	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Bà Nguyễn Thị Đào	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hà	-	-	-	850.000.000	850.000.000	850.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhung	-	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Bà Ngô Thị Tàn	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Ông Hoàng Hữu Tài	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Bà Hoàng Thị Phụng	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-	-
Bà Hoàng Thị Kim Liên	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.700.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000	4.850.000.000	4.850.000.000	4.850.000.000
c) Vay và nợ thuê tài chính các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Bà Hoàng Thị Phụng	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-	-
Cộng	2.200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-	-

(i) Hợp đồng số 01/2016 ngày 26 tháng 05 năm 2016 ký với bà Hoàng Thị Kim Liên, số tiền vay 2,5 tỷ đồng, thời gian vay từ 26 tháng 05 năm 2016 đến ngày 26 tháng 05 năm 2017, lãi suất vay 0%.

(i) Hợp đồng số 02/2016 ngày 28 tháng 05 năm 2016 ký với bà Hoàng Thị Phụng, số tiền vay 2,2 tỷ đồng, thời gian vay từ 28 tháng 05 năm 2016 đến ngày 28 tháng 05 năm 2017, lãi suất vay 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.039.116.315	9.039.116.315	17.439.274.145	17.439.274.145
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	6.923.216.051	6.923.216.051	13.342.682.879	13.342.682.879
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn</i>	<i>1.716.028.418</i>	<i>1.716.028.418</i>	<i>290.588.494</i>	<i>290.588.494</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Dân Chủ</i>	<i>3.405.685.000</i>	<i>3.405.685.000</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Thắng Lợi</i>	<i>1.506.844.172</i>	<i>1.506.844.172</i>	<i>525.129.164</i>	<i>525.129.164</i>
<i>Công ty Cổ phần Bê tông Đúc sẵn Hà Nam</i>	<i>98.994.165</i>	<i>98.994.165</i>	<i>1.789.676.865</i>	<i>1.789.676.865</i>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Nam Phú</i>	<i>195.664.296</i>	<i>195.664.296</i>	<i>4.239.366.584</i>	<i>4.239.366.584</i>
<i>Công ty CP Hồng Hà</i>	-	-	<i>6.497.921.772</i>	<i>6.497.921.772</i>
Các khoản phải trả người bán khác	2.115.900.264	2.115.900.264	4.096.591.266	4.096.591.266
Cộng	9.039.116.315	9.039.116.315	17.439.274.145	17.439.274.145
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ	270.000.000	270.000.000
Công ty Cổ phần Bình Mỹ	80.000.000	-
- Các công ty khác	-	-
Cộng	350.000.000	270.000.000

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ	
	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	158.193.747	3.180.956.197	3.339.149.943	1
- Thuế TNDN	71.650.579	98.462.146	121.650.579	48.462.146
- Thuế TNCN	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	32.573.000	32.573.000	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	229.844.326	3.314.991.343	3.496.373.522	48.462.147
b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế TNDN	20.000.000	-	5.000.000	25.000.000
- Thuế GTGT nộp thừa	20.000.000	-	-	20.000.000
Cộng	40.000.000	-	5.000.000	45.000.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	29.550.000.000					84.302.553	29.634.302.553
Tăng vốn năm trước	-					-	-
Lãi trong năm trước						303.136.376	303.136.376
Tăng khác					-	-	-
Giảm vốn trong năm trước						150.120.310	150.120.310
<i>Giảm khác</i>						<i>150.120.310</i>	
Số dư cuối năm trước	29.550.000.000	-	-	-	-	237.318.619	29.787.318.619
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						315.803.274	315.803.274
Tăng khác					-	-	-
<i>Trích lập các quỹ</i>					-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này						-	-
Giảm khác						281.964	281.964
Số dư cuối kỳ	29.550.000.000	-	-	-	-	552.839.929	30.102.839.929

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	29.550.000.000	29.550.000.000
Cộng		29.550.000.000	29.550.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	29.550.000.000	29.550.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.955.000	2.955.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	315.803.274	203.627.462
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	107	69

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu xây lắp điện	25.946.418.723	16.300.950.725
- Doanh thu bán vật tư điện	4.837.458.501	819.118.700
Cộng	30.783.877.224	17.120.069.425
b) Doanh thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng điện Hoàng Phát	2.052.758.716	11.860.000
Cộng	2.052.758.716	11.860.000

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hợp đồng xây lắp điện	24.213.603.758	13.126.602.257
Giá vốn bán vật tư	3.416.327.754	673.564.548
Cộng	27.629.931.512	13.800.166.805

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	13.125.251	4.762.925
Cộng	13.125.251	4.762.925

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	-	14.908.888
Cộng	-	14.908.888

6 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản thu nhập khác	13	31.500.000
Cộng	13	31.500.000

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản chi phí khác	6.000	-
Cộng	6.000	-

331
 C
 ÍCH
 VIỆ
 XU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ:	2.752.799.556	3.081.306.117
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	2.014.023.000	2.050.230.400
+ Chi phí lương, các khoản trích theo lương	2.014.023.000	2.050.230.400
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	738.776.556	1.031.075.717
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-
Cộng	2.752.799.556	3.081.306.117

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	414.265.420	259.950.540
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.045.310	
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế		
Thu nhập chịu thuế	492.310.730	259.950.540
Thuế suất thuế TNDN	20%	22% và 20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	98.462.146	56.323.078

10 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.334.701.381	11.417.340.044
Chi phí nhân công	8.861.493.000	2.013.345.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	378.624.240	327.121.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.173.653.646	384.124.826
Chi phí bằng tiền khác	689.999.690	474.244.433
Cộng	26.438.471.957	14.616.176.078

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

VIII. Những thông tin khác

1 . Các sự kiện quan trọng trong kỳ

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

344
ÔN
VHIỆ
'K
T A
ÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

CHỈ TIÊU	Xây lắp điện	Bán vật tư	khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.946.418.723	4.837.458.501		30.783.877.224
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.946.418.723	4.837.458.501	-	30.783.877.224
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.732.814.965	1.421.130.747		3.153.945.712
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				2.752.799.556
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				401.146.156
Doanh thu hoạt động tài chính				13.125.251
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				13
Chi phí khác				6.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				98.462.146
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				315.803.274
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				40.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				378.624.240
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ trước

CHỈ TIÊU		Xây lắp điện	Bán vật tư	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		16.300.950.725	819.118.700		17.120.069.425
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		-			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.300.950.725	819.118.700	-	17.120.069.425
Kết quả kinh doanh theo bộ phận		3.174.348.468	145.554.152	-	3.319.902.620
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					3.081.306.117
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					238.596.503
Doanh thu hoạt động tài chính					4.762.925
Chi phí tài chính					14.908.888
Thu nhập khác					31.500.000
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					56.323.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					203.027.462
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					36.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					327.121.775
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Xây lắp điện	Bán vật tư	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	27.593.606.244	5.144.560.663	-	32.738.166.907
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				11.502.251.484
Tổng tài sản				44.240.418.391
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.913.686.167	1.475.430.148	-	9.389.116.315
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.748.462.147
Tổng nợ phải trả				14.137.578.462
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	31.763.579.333	1.596.111.923	-	33.359.691.256
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				19.216.745.834
Tổng tài sản				52.576.437.090
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.861.964.636	847.309.509	-	17.709.274.145
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.079.844.326
Tổng nợ phải trả				22.789.118.471

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Kỳ này

Chỉ tiêu	Nam Định	Thái Bình	Phú Thọ	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	17.054.538.460	6.678.998.217	6.170.402.740	879.937.807	30.783.877.224
Tài sản bộ phận	5.322.639.208	2.084.483.134	1.925.752.939	274.624.346	9.607.499.627
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	40.000.000	-	-	-	40.000.000

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Nam Định	Thái Bình	Hà Nam	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	8.487.877.406	5.597.146.972	1.948.320.185	-	16.033.344.563
Tài sản bộ phận	374.297.353	246.502.826	85.805.578	-	706.605.757
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	36.000.000	-	-	-	36.000.000

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi ngân hàng	620.972.573	9.058.511.234
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.996.630.270	16.300.694.587
Cộng	<u>15.617.602.843</u>	<u>25.359.205.821</u>

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

31/3
CỔ
H M
P
I E T
U A

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp)

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối kỳ				
Các khoản vay	4.700.000.000	-		4.700.000.000
Phải trả người bán	9.039.116.315			9.039.116.315
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	-	-		-
Số đầu năm				
Các khoản vay	4.850.000.000	-		4.850.000.000
Phải trả người bán	17.439.274.145			17.439.274.145
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	-	-		-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

14
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN THIÊN TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô 55, đường N2, cụm Công nghiệp An Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN/HN

4.5 Giá trị hợp lý**- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.678.008.991	1.678.008.991	9.216.729.588	9.216.729.588	
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.996.630.270	(*)	16.300.694.587	(*)	
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)	
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	-	(*)	-	(*)	
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Vay ngắn hạn	(4.700.000.000)	(4.700.000.000)	(4.850.000.000)	(4.850.000.000)	
- Phải trả người bán và phải trả khác	(9.039.116.315)	(9.039.116.315)	(17.439.274.145)	(17.439.274.145)	
- Vay dài hạn	-	-	-	-	
	2.935.522.946	(*)	3.228.150.030	(*)	

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý*Nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phải sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan có giao dịch trong kỳ:

Bên liên quan

Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng điện Hoàng Phát
Bà Hoàng Thị Phụng

Mối quan hệ

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên HĐQT

b) Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên, trong kỳ Công ty còn có giao dịch với các bên liên quan như sau:

c) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau :

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Ông Hoàng Hữu Tuấn	Giám đốc	80.654.695
Ông Vi Trung Sơn	Phó Giám đốc	74.900.547
Bà Trần Thị Hồng Mến	Kế toán trưởng	65.640.520
Cộng		221.195.761

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Hoàng Thị Hồng

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Mến

Nam Định, ngày 10 tháng 08 năm 2016



Hoàng Hữu Tuấn